

Báo mạng điện tử đưa tin về giáo dục, đào tạo Việt Nam hiện nay

PGS, TS. PHẠM HƯƠNG TRÀ

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: phamhuongtrahvbc@gmail.com

Nhận ngày 29 tháng 3 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 5 năm 2024.

Tóm tắt: Dựa trên việc phân tích các bài viết về giáo dục, đào tạo của 6 báo điện tử ở Việt Nam, bài viết khẳng định, các báo điện tử cập nhật nhiều khía cạnh, từ chính sách, hành lang pháp lý trong giáo dục, đào tạo đến những vấn đề cụ thể của hoạt động đào tạo. Đặc biệt, nội dung về chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục, chuyển đổi số là những vấn đề được các báo điện tử có xu hướng đăng tải nhiều hơn trong thời gian vừa qua.

Từ khóa: báo điện tử, giáo dục, đào tạo.

Abstract: Based on an analysis of articles about education and training from six online newspapers in Vietnam, this article confirms that these newspapers cover various aspects, from policies and legal frameworks in education and training to specific issues in training activities. Notably, content related to the quality of education, education quality assessment, and digital transformation are topics that online newspapers have tended to publish more frequently in recent times.

Keywords: online newspapers, education, training.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của giáo dục, đào tạo (GD - ĐT) nước nhà cũng như ảnh hưởng sâu rộng của báo điện tử (BĐT), bài viết này chỉ ra thực trạng thông tin về GD - ĐT nói chung và tập trung vào phân tích 3 tuyến chủ đề: các chủ trương, chính sách, pháp luật về giáo dục, đào tạo; chất lượng giáo dục/ kiểm định chất lượng giáo dục; chuyển đổi số trong giáo dục, thông qua việc phân tích 364 tin, bài (trong tổng số 4.005 tin, bài) liên quan đến chủ đề GD-ĐT được đăng tải trong thời gian từ 1/1/2018 đến 31/12/2022 trên 6 BĐT (giaoducthoidai.vn (GDTĐ), giaoduc.net.vn (GDVN), Vnexpress, Tuổi trẻ, Vietnamnet và Tiền phong, từ đó, đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thông tin.

1. Khái quát về thông tin giáo dục đào tạo trên báo điện tử Việt Nam hiện nay

Kết quả khảo sát cho thấy, vấn đề GD - ĐT được phản ánh trên 6 BĐT là rất đa dạng và phong phú. Các báo đã khai thác vấn đề này dưới nhiều khía cạnh nội dung khác nhau (được thống kê trong bảng 1 gồm 10 nhóm nội dung) nhằm đem đến cho công

chúng một sự hình dung khái quát về toàn cảnh bức tranh GD nước ta. Trong tổng số 364 bài, công chúng có cơ hội tiếp cận thông tin về chất lượng giáo dục (CLGD)/kiểm định chất lượng giáo dục (KDCLGD) cao nhất với 58 bài chiếm 15,9% và cao hơn hẳn so với các khía cạnh nội dung khác (các bài viết về các nội dung còn lại giao động từ 25 bài (6,9%) đến 44 bài (12,1%). Đây cũng là nội dung được đề cập với số lượng tương đối đồng đều qua từng năm. Trong bảng 1 còn cho thấy năm 2022 số lượng bài viết về chủ trương, chính sách, pháp luật về giáo dục (53 bài) và chuyển đổi số trong giáo dục (66 bài) được các báo điện tử chú ý với số lượng cao hơn hẳn so với các năm trước đó. Đặc biệt, chỉ từ năm 2020 trở đi mới xuất hiện các bài viết liên quan tới vấn đề giáo dục trong bối cảnh đại dịch với số lượng bài giao động từ 40 bài (10,9%) đến 49 bài (13,5%).

Bảng 1. Thông tin GD - ĐT trên BĐT trong giai đoạn 5 năm (%)

Nội dung	2018	2019	2020	2021	2022	Trung
1. Chất lượng giáo dục/ kiểm định chất lượng giáo dục	18,8	20,3	16	15,6	7,3	15,9
2. Thi cử/ tuyển sinh/ hướng nghiệp	14,1	16,2	8	11,5	10,9	12,1
3. Mô hình GD, phương pháp giảng dạy	14,1	13,5	10,7	8,3	10,9	11,3
4. Chủ trương, chính sách, pháp luật về giáo dục	15,6	9,5	8	6,3	14,5	10,2
5. Chuyển đổi số trong GD	4,7	4,1	9,3	14,6	18,2	10,2
6. Nhân lực ngành GD	12,5	8,1	5,3	12,5	7,3	9,3
7. SGK/Chương trình mới	4,7	14,9	14,7	4,2	5,5	8,8
8. GD trong đại dịch	-	-	12	13,5	10,9	7,7
9. Văn hóa học đường	12,5	9,5	6,7	6,3	3,6	7,7
10. Tấm gương, câu chuyện tích cực	3,1	4,1	9,3	7,3	10,9	6,9

Phần lớn các bài viết về GD - ĐT được đăng tải trên chuyên mục giáo dục của các BĐT (89,6% tổng số bài viết). Đây là điều dễ hiểu vì chuyên mục này dành riêng cho một chủ đề nhất định, mang tính chuyên biệt, liên quan đến lĩnh vực cụ thể. Nhờ đó, công chúng dễ dàng tìm kiếm được thông tin mình mong muốn.

Về thể loại đăng tải, BĐT đã sử dụng linh hoạt các thể loại báo chí khi đưa tin về vấn đề GD. Trong đó, chiếm ưu thế là thể loại bình luận với 185/364 bài chiếm 50,8%. Tiếp theo là các bài viết thuộc thể loại tin chiếm 118/ 364 bài chiếm 32,4%, còn các thể loại khác chiếm tỷ lệ thấp. Những con số này cho thấy, BĐT không chỉ dừng lại việc cung cấp thông tin đơn thuần mà còn có sự đào sâu, tìm hiểu kỹ càng các vấn đề liên quan để công chúng có thể tiếp cận những thông tin GD - ĐT chính xác nhất.

BĐT thuộc diện khảo sát đang nghiên cứu về phản ánh ý kiến của các nhà lãnh đạo, quản lý (53%), chuyên gia GD (19,2%) và giáo viên/giảng viên (19,8%). Trong khi đó, số lượng tin, bài phản ánh ý kiến, quan điểm của phụ huynh và học sinh chưa nhiều, chiếm lần lượt là 6% và 5,5%. Như vậy, BĐT chưa có sự đồng đều trong phản ánh ý kiến của công chúng, chỉ tập trung vào các cấp lãnh đạo và người dạy mà xem nhẹ ý kiến của người học - người trải nghiệm, tiếp thu kiến thức. Đây có thể là một thiếu sót, làm giảm đi tính đa chiều của thông tin trên báo.

Nói tóm lại, BĐT đã phản ánh vấn đề GD-ĐT của

Việt Nam trong 5 năm qua với nhiều khía cạnh nội dung phong phú và đa dạng. Các tin/bài thuộc thể loại bình luận chiếm ưu thế và chủ yếu nằm trong chuyên mục GD của các BĐT. Trong các phần tiếp theo, tác giả đi sâu tìm hiểu, phân tích và đánh giá từng khía cạnh nội dung về GD - ĐT mà BĐT đã đăng tải trong 5 năm qua.

2. Thực trạng thông tin về GD - ĐT trên báo mạng điện tử hiện nay

2.1. Thông tin về chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về giáo dục, đào tạo trên báo điện tử

Các báo điện tử trong mẫu nghiên cứu đã thể hiện rõ vai trò cung cấp thông tin, là diễn đàn của nhân dân về *chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về GD - ĐT* nhằm phát triển sự nghiệp GD - ĐT nước nhà. Cụ thể, các bài viết liên quan tới Luật Giáo dục 2019 không chỉ thông báo về hoạt động sửa đổi Luật GD qua các thời kỳ từ 2005 đến nay, mà còn giới thiệu đầu là điều luật mới thay đổi, ở vị trí và nội dung nào, tiêu biểu là bài viết *7 điểm mới trong Luật Giáo dục 2019* được đăng trên báo GDVN. Tác giả tổng hợp và chia sẻ theo từng điều luật, trong đó, có thể nhắc đến quy định chính sách về học phí đối với học sinh diện phổ cập. Thông qua quy định của Hiến pháp 2013 và Nghị quyết số 29-NQ/TW, bài viết liên kết tới quy định về thực hiện phổ cập GD bắt buộc với GD tiểu học và phổ cập GD trung học cơ sở,... Với cách thức lan tỏa thông tin như vậy, BĐT góp phần giúp người dân hiểu rõ về Luật GD 2019 có những điểm mới, được bổ sung như thế nào so với đợt thành lập, sửa đổi trước đó.

Theo khảo sát và phân tích, trong 38 bài viết có đề cập đến về *chủ trương, chính sách, pháp luật về GD - ĐT* thì nội dung được BĐT đề cập nhiều nhất là những bài viết có tính phản biện về các chính sách, các bài viết này chủ yếu cung cấp các thông tin phản biện của các nhà quản lý, chuyên gia hoặc của chính các đối tượng thụ hưởng nhằm mục đích hoàn thiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về GD - ĐT; đồng thời, đưa các quy định trên giấy tờ đi vào cuộc sống, áp dụng trong chương trình giảng dạy - học tập... Về nhóm thông điệp *phản biện chính sách về GD - ĐT*, các bài viết được lựa chọn phân tích chủ điểm phản ánh các quan điểm định hướng thay đổi, có

các bài viết đưa ra sự phê phán và nêu ra bất cập trong quá trình thực hiện chính sách, chủ trương GD - ĐT, điều này cho thấy có sự khác biệt với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Xuân An Việt trên các tờ báo in từ năm 2005 đến 2010 rằng *“tiếng nói của các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục chưa mang lại dấu ấn sâu đậm trong việc phản biện chính sách”*⁽¹⁾.

Mặc dù các thông tin về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề GD - ĐT là khá cập nhật nhưng chủ yếu chỉ mô tả và chuyển tải các nội dung mang tính chất khuôn mẫu nhằm thông báo mà chưa chú trọng những thông tin chuyên sâu phục vụ độc giả hiểu biết và quan tâm hơn đến lĩnh vực này. Chẳng hạn, bài *“Thủ tướng ra Chỉ thị về kỳ thi tốt nghiệp THPT 2021”* chỉ đề cập và nhắc lại nguyên văn chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ban, ngành vào cuộc, tham gia có trách nhiệm trong kỳ thi xét tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học năm 2021 (đăng trên Vietnamnet, ngày 16/04/2021). Việc triển khai và chia sẻ các thông điệp theo cách viết tương tự này có thể sẽ dần làm giảm sự kết nối với độc giả, đặc biệt khi chủ đề đó liên quan trực tiếp tới lợi ích của công chúng - có thể là học sinh, thầy cô, nhà trường,... nhưng không được phân tích cụ thể khiến độc giả chỉ nắm bắt tình hình một cách chung chung.

2.2. Thông tin về chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục trên báo điện tử

CLGD là vấn đề trọng yếu của sự nghiệp giáo dục. Có nhiều quan điểm khác nhau đưa ra nhưng tựu trung lại, khi bàn về CLGD, các ý kiến đều hướng đến mục đích hoàn thiện, nâng cao chất lượng trong ngành giáo dục. Đó cũng chính là *“cái đích”* của hoạt động KĐCLGD. KĐCLGD được xem như là một công cụ đảm bảo chất lượng của hệ thống GD. Với bản chất xem xét, đánh giá và công nhận kết quả, quá trình này đã và đang được sử dụng để công nhận hay cho phép mở mới một trường hay một ngành đào tạo hoặc định kỳ xem xét, đánh giá và công nhận các trường đại học hay các chương trình đào tạo đang duy trì các chuẩn mực quy định⁽²⁾. Trong số 58 bài viết về chủ đề này, có 33 bài viết xác định CLGD là đáp ứng mục tiêu của cơ sở giáo dục hay chương trình đào tạo, 15 bài viết liên quan nhu cầu sử dụng nhân lực và 14 bài giải nghĩa CLGD là đảm bảo yêu cầu của Luật Giáo dục. BĐT đang chú trọng đưa tin về CLGD và KĐCLGD của

các trường đại học hơn là ở các cấp học khác. Việc tập trung khai thác CLGD, KĐCLGD đại học vô hình chung tạo ra tâm lý cho độc giả rằng chỉ có GD ĐH mới cần tập trung nâng cao CLGD và KĐCLGD. Tương tự, tác giả Trần Việt Hoa cũng cho thấy nội dung tuyên truyền cho GD nói chung và GD đại học nói riêng của báo chưa đồng đều, còn có sự chênh lệch, chủ yếu các bài viết chỉ tập trung đề cập đến hoạt động của các trường đại học trọng điểm tại địa bàn Thủ đô hoặc Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh thành phố khác là rất ít, nhất là miền núi như bị lãng quên⁽³⁾.

Các bài viết về KĐCLGD tập trung ở 3 khía cạnh: Một là, *thông tin về vai trò, tác động của kiểm định chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên báo điện tử*. Cụ thể là đề cập tới vai trò của hoạt động kiểm định trong việc *“xác định CLGD, vị thế và uy tín của cơ sở GD”*, từ đó, gián tiếp thể hiện khả năng *“thu hút đầu tư, hợp tác/ liên kết”* hoặc *“tăng quyền tự chủ”*. Trên báo GDTĐ, bài viết *“Kiểm định chất lượng giáo dục: Điểm cộng cho sinh viên và nhà trường”* phản ánh rõ tinh thần của thông điệp về hoạt động kiểm định. Theo đó, KĐCLGD được đánh giá là *“công cụ hiệu quả giúp các trường kiểm soát và bảo đảm chất lượng cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh”* (đăng trên báo giaoducthoidai.vn, 8/8/2021); kết quả này vừa thể hiện *“cái tâm”* của nhà trường vừa tạo cơ hội việc làm cho nguồn nhân lực chất lượng cao tương lai. Sử dụng các danh từ tích cực như *“điểm cộng”*, *“lợi thế”*,... đối với các cơ sở đạt KĐCLGD, các bài viết được lựa chọn thể hiện tính cấp thiết của hoạt động trên cần lồng ghép đi sâu trở thành văn hóa chất lượng, quá trình tự thân từ cấp quản lý đến thầy trò trong mỗi cơ sở GD và khẳng định những ưu điểm khi triển khai kiểm định, thúc đẩy định hướng các cơ sở tiến tới thực hiện KĐCL, chú trọng xây dựng CLGD trong từng hoạt động quản lý, dạy và học,... *“góp phần xếp hạng đại học tại Việt Nam... giúp người học tìm kiếm, lựa chọn những cơ sở đào tạo uy tín, phù hợp với mình”* (đăng trên giaoducthoidai.vn, 2/11/2019).

Thực tế hiện nay, nhiều cơ sở GD đã tham gia và đạt KĐCLGD, các BĐT ngoài việc nâng cao nhận thức của xã hội về tầm quan trọng của hoạt động kiểm định còn chỉ ra bức tranh về những thay đổi tích cực cùng cơ hội mà nhà trường lẫn người dạy và người học được hưởng lợi sau khi KĐCLGD - *“hậu kiểm”*. Trong

số 17 bài báo có đề cập chủ đề về *tác động của KĐCLGD*, có thể nhận thấy, văn hóa chất lượng là yếu tố được chú trọng nhiều nhất sau kiểm định: *“hậu KĐCLGD đã mang lại những thay đổi trong công tác quản trị nhà trường... tạo dựng, phát triển văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục bằng việc thay đổi từ nhận thức đến hành động của lãnh đạo nhà trường, cán bộ giảng viên, người học”* (đăng trên giaoduc.net.vn, 28/05/2018).

Hai là, thông tin về trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục trên báo điện tử. Các bài viết về nội dung trên liệt kê 4 trung tâm KĐCLGD trong nước⁵ nhưng với các quan điểm chưa thực sự lạc quan qua bài viết *“Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục”* (đăng trên Vietnamnet, 16/12/2018), hay trích dẫn lời phát biểu của Thứ trưởng Lê Hải An cho rằng công tác kiểm định *“đang ở mức chậm chững”* hay *“tuổi đời non trẻ”* (đăng trên giaoducthoidai.vn, 2019). Những nhận định này cho thấy các trung tâm KĐCLGD trong nước đang trong quá trình từng bước hoàn thiện và phát triển. Đồng tình với ý kiến này, tiến sĩ - luật sư Nguyễn Thị Kim Phụng trao đổi với báo GDTĐ trong bài viết *“Không kiểm định chất lượng giáo dục: Mất nhiều hơn được”* đánh giá *“Năng lực hệ thống các trung tâm kiểm định CLGD chưa đủ để đáp ứng tốt nhu cầu kiểm định”*. Nếu không đề cập một cách trực tiếp, thẳng thắn thì các bài viết sử dụng cách *“nói giảm nói tránh”* khi đề cập đến các trung tâm kiểm định trong nước: *“dần đi vào nề nếp”*, *“đã không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao”* (đăng trên giaoducthoidai.vn, 06/08/2021).

Trong khi đó, với trung tâm KĐCLGD nước ngoài, các bài viết đề cập theo chiều hướng tích cực, cởi mở hơn, có xu hướng khen ngợi và đề cao loại hình này. Đơn cử như trong bài viết *“Đa dạng hóa tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học: Lực đẩy để hội nhập”*, những luận điểm đưa ra đều cho thấy lợi ích việc xuất hiện các tổ chức KĐCL độc lập từ nước ngoài như: *“giúp cho hệ thống KĐCL của chúng ta tốt hơn rất nhiều”*, *“giúp trường đại học Việt Nam tiệm cận với chuẩn mực quốc tế”*, *“giúp cho hệ thống GDDH Việt Nam có nhiều khởi sắc, làm sáng lên bức tranh giáo dục Việt Nam trên bản đồ giáo dục thế giới”*, (đăng trên giaoducthoidai.vn, 09/07/2021).

Ba là, thông tin về thực trạng đảm bảo chất lượng giáo dục/kiểm định chất lượng giáo dục. Số lượng các cơ sở GD, các chương trình đào tạo đạt chuẩn được BĐT cập nhật, kịp thời; đồng thời phân tích, đánh giá, bày tỏ quan điểm về những con số này. Trong bài viết *“Kiểm định chất lượng giáo dục đại học: Hoạt động đào tạo ngày càng chín chu, chất lượng”*, ông Lê Mỹ Phong, Phó cục trưởng Cục Quản lý chất lượng cho biết *“312 chương trình đào tạo được đánh giá (122 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước, 190 chương trình đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài) là thành công quan trọng trong thời gian qua... con số trên là cố gắng đáng khích lệ của ngành Giáo dục đại học nước ta trong những năm qua.”* Sự gia tăng về các cơ sở GD, chương trình đào tạo đạt chuẩn cho thấy nền GD Việt Nam dần khởi sắc và có chỗ đứng.

Về tiêu chí đạt KĐCLGD, kết quả GD và chất lượng đội ngũ quản lý, giảng viên, người học là tiêu chí được đề cập phổ biến hơn trên các BĐT. Có nghĩa, kết quả đầu ra và chất lượng giảng dạy là yếu tố được đánh giá cao trong các tiêu chí KĐCLGD, gồm tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giáo viên/giảng viên chất lượng cao,.. Tuy nhiên, đây mới chỉ là mong muốn của các chuyên gia. Trên thực tế, các tiêu chí này chưa được xem trọng *“quá trình kiểm định mới chỉ tập trung ở các yếu tố đầu vào mà ít chú ý đến kết quả đầu ra của quá trình giáo dục... như: diện tích, đội ngũ giảng viên, tài chính, cơ sở vật chất, thư viện,...”* (đăng trên giaoduc.net.vn, 2021).

Quy trình KĐCLGD được thực hiện theo điều 1 Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT gồm các bước: tự đánh giá; đánh giá ngoài; thẩm định kết quả đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn CLGD. Theo phản ánh của 6 BĐT, tự đánh giá và đánh giá ngoài là hai bước được đề cập và nhắc đến nhiều hơn cả; tuy nhiên, các bài viết nhấn mạnh hơn về khâu tự đánh giá trong chu trình KĐCLGD, bởi tự đánh giá trong KĐCLGD *“là khâu đầu tiên trong quá trình kiểm định... giúp nhà trường tự rà soát, đánh giá thực trạng tất cả các mặt hoạt động, qua đó thấy được những mặt mạnh, mặt yếu có kế hoạch điều chỉnh”*⁽⁴⁾. Tác giả của các bài viết được đăng tải cho rằng các cơ sở GD cần quan tâm và chú trọng đặc biệt khâu tự đánh giá, quá trình tự đánh giá, rà soát lại chương trình đào tạo góp phần làm cho

chương trình và các hoạt động đào tạo ngày càng chín chu, chất lượng hơn. Từ sự phản ánh trên, tự đánh giá là khâu tiên quyết trong quá trình KĐCLGD bằng cách trích dẫn, phỏng vấn các chuyên gia, nhà lãnh đạo, quản lý GD nên gia tăng độ tin cậy và tính chính xác cao. Có thể khẳng định rằng, với vấn đề CLGD và KĐCLGD, BĐT có sự đầu tư, khai thác chuyên sâu nhằm thông tin một cách toàn diện và kịp thời nhất đến công chúng.

2.3. Thông tin về chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo trên báo điện tử

Ngày 25/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt đề án *“Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”* với mục tiêu tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận GD, hiệu quả quản lý GD, từ đó xây dựng nền GD mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội⁽⁵⁾. Điều này cho thấy, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, coi đây là một trong những chủ trương hàng đầu trong thời đại 4.0.

Chuyển đổi số được đề cập toàn diện trong hệ thống GD quốc dân trên 6 BĐT thuộc diện khảo sát, trong đó GD THPT và Đại học chiếm ưu thế về tần suất xuất hiện. Theo thống kê, các bài viết tập trung chia sẻ về 3 nhóm thông điệp sau: *“nhiệm vụ số hóa trong giáo dục”*, *“ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục”* và *“tài nguyên giáo dục mở”*.

Phản ánh về *“nhiệm vụ số hóa trong giáo dục”*, các BĐT khảo sát chủ yếu nhấn mạnh vai trò, lợi thế của công nghệ, kỹ thuật số có thể áp dụng, chú ý đến những công việc cần làm, thách thức cần vượt qua nhằm đảm bảo tận dụng tối đa chức năng thúc đẩy nền GD phát triển. *“Không chờ hiệu lệnh bắt đầu”* - một thông điệp mà TS. Tôn Quang Cường, Chủ nhiệm Khoa Công nghệ GD, trường Đại học GD chia sẻ về việc thực hiện chuyển đổi số trong GD. Theo ông, nhiệm vụ này cần phải xuất phát từ thân ở mỗi cơ quan quản lý, mỗi cơ sở GD trong hệ thống: *“Trong từng bài dạy hay hoạt động giáo dục, nếu mỗi giáo viên thấm nhuần tư tưởng này, quá trình chuyển đổi số có thể diễn ra ở cấp độ bài học”* với các thuộc tính của nó... làm thế nào để những con người thật, hoạt động

thật (nhưng tương tác ảo) diễn ra trong môi trường số (ảo) mà kết quả đạt được vẫn phải là thật ở người học” (đăng trên giaoducthoidai.vn, 06/02/2022). Bài viết nhấn mạnh nhiệm vụ với đội ngũ giáo viên khi vận dụng tổ chức bài dạy dựa trên các nền tảng công nghệ, cần có năng lực sư phạm gì, thực hiện phương pháp nào và tương tác, đánh giá học sinh ra sao..., không chỉ để *“giữ nhịp”* cho quá trình GD không bị chậm so với các quá trình phát triển công nghệ mà còn tiến tới mục tiêu thay đổi tư duy, nhận thức về chuyển đổi số trong GD.

Bên cạnh việc không thể tách rời vai trò của các chủ thể trong hoạt động GD gồm nhà quản lý, người dạy và người học thì nhà giáo là nhân tố tiên quyết được nhắc nhiều nhất trong nội dung này. Theo ông Trương Minh Huy Vũ - Giám đốc Khu Công nghệ phần mềm Đại học Quốc gia TP.HCM cho biết: *“... yếu tố quyết định chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo thành công là giáo viên, công nghệ là công cụ hỗ trợ... giáo viên sẽ nhận thấy được tính phù hợp trong từng bài giảng, cách quản lý học liệu, tương tác với học sinh, phụ huynh, định hình phong cách giảng dạy.”* (đăng trên Vnexpress, 24/12/2020). Đồng quan điểm về vai trò của *“người lái đò”*, TS. Nguyễn Cao Trí, Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Văn Lang, Ủy viên Ủy ban về GD và Phát triển nhân lực từng viết: *“Một yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của chuyển đổi số là giảng viên, nghĩa là người điều phối quá trình dạy - học trực tuyến. Công nghệ... không thể thay thế yếu tố con người. Việc đầu tư cho nền tảng số phải luôn đi kèm với đào tạo và phát triển giảng viên ở cả ba mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ”*⁽⁶⁾.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động GD - ĐT cho phép các cá nhân, đặc biệt là người học thu nhận một *“kho tàng”* kiến thức đa dạng và phong phú, dưới sự dẫn dắt của người thầy như đã nêu trong thông điệp đầu tiên. Đề cập tới bức tranh *“ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục”*, các bài viết đưa ra các trường hợp, ý tưởng vận dụng sự phát triển của công nghệ, kỹ thuật số vào hoạt động giảng dạy, học tập trên trường lớp. Đổi mới GD, phát triển bền vững quốc gia hướng đến xây dựng và khai thác tài nguyên GD mở: *“Tài nguyên giáo dục mở mở ra cho giáo dục mở khả năng giải phóng tri thức, giải phóng nhu cầu phát triển giáo dục... mọi người đều có lợi trong việc*

giao lưu ý tưởng... đó là lựa chọn cho sự phát triển bền vững của giáo dục cũng là lựa chọn vì sự phát triển bền vững của quốc gia⁽⁷⁾. Thông điệp về *tài nguyên giáo dục mở* còn khá hạn chế về số lượng trên BĐT thuộc diện khảo sát. Hầu hết bài viết đưa ra giải pháp chung chung chưa có thể giúp các cơ sở phát huy tối đa hiệu quả của tài nguyên số, theo đó, cần có các bài viết đi sâu để đưa ra các hướng dẫn bài bản hơn hoặc chỉ ra việc các nhà trường cần chủ động xây dựng hệ thống tài liệu, tối ưu dịch vụ về cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu sử dụng tài nguyên số cụ thể là những thông tin gì.

3. Khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thông tin giáo dục đào tạo trên báo điện tử Việt Nam hiện nay

Khảo sát đã chỉ ra, vấn đề GD - ĐT được phản ánh trên báo với sự đa dạng, phong phú về nội dung, thể hiện thực trạng nền GD Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Xu hướng đưa tin của các BĐT biến chuyển từng bước, bám sát theo bối cảnh, thực tế xã hội, đã minh chứng khả năng cập nhật liên tục và phản ánh các thông tin mang tính thời sự cao. BĐT đã phản ánh đúng tinh thần của các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về GD - ĐT; đồng thời, thực hiện chức năng phản biện xã hội thông qua các bài phỏng vấn, bình luận của chuyên gia góp phần nâng cao hiểu biết của công chúng, đưa các chính sách, văn bản pháp luật đến gần với người dân.

Để làm tốt công tác truyền thông của BĐT về vấn đề GD - ĐT, tác giả nêu một số khuyến nghị sau đây:

Đối với cơ quan quản lý báo chí:

Tiếp tục bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh đúng tinh thần của những chính sách nhằm tạo nên sự thống nhất, tránh trường hợp đi ngược lại với quy định, nội dung truyền thông của Chính phủ.

Đối với cơ quan báo chí:

Tiếp tục khuyến khích đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên khai thác khía cạnh khác nhau của vấn đề GD-ĐT nhằm cung cấp kiến thức, hiểu biết cho công chúng.

Tiếp tục nâng cao hiệu quả của thể loại bình luận, phỏng vấn, phóng sự,... nhằm đem đến cho công chúng góc nhìn đa chiều, thông tin chuyên sâu về lĩnh vực GD-ĐT. Tăng cường phối hợp với đội ngũ cộng tác

viên là giáo viên, giảng viên, chuyên gia GD,... để có nhiều bài viết chuyên sâu, mang tính khoa học, tính chính xác và độ tin cậy cao.

Đối với đội ngũ nhà báo, phóng viên, cộng tác viên:

Cần có sự nhanh nhạy, chính xác và kiến thức chuyên môn sâu để phản ánh và lý giải đúng, đầy đủ về các vấn đề GD - ĐT.

Tăng cường đánh giá đa chiều - bên cạnh phản ánh những bất cập, tiêu cực, nên xem xét, nhìn nhận những nỗ lực, tiến bộ và thay đổi tích cực trong các nội dung về GD - ĐT hiện nay.

Tăng cường thu thập, phản ánh các ý kiến của phụ huynh, học sinh nhằm đưa ý kiến, nguyện vọng của những người trực tiếp hưởng lợi từ nền GD đến các cấp chính quyền để đội ngũ thực hiện đúng vai trò giám sát và phản biện xã hội của mình./

(1) Nguyễn Xuân An Việt (2019), *Thông tin về giáo dục và đào tạo trên báo in ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

(2) Phạm Xuân Thanh (2005), Kiểm định chất lượng giáo dục đại học, *Tạp chí Giáo dục*, số 115, tháng 6/2005.

(3) Trần Việt Hoa (2006), *Báo giáo dục và Thời đại với việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở nước ta hiện nay* (Luận văn Thạc sĩ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền).

(4) Nguyễn Thị Hòa (2016), Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác tự đánh giá trong kiểm định chất lượng giáo dục ở trường Cao đẳng Y tế Phú Yên, *Tạp chí Nghiên cứu thực tiễn giáo dục*, số 130 tháng 7/2016, 84-84.

(5) Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 131/QĐ-TTg phê duyệt đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030"*. Truy cập ngày 11/09/2022, từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Quyết-dinh-131-QĐ-TTg-2022-Tang-cuong-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-trong-giao-duc-501823.aspx>

(6) Nguyễn Cao Trí, *Chuyển đổi số và thúc đẩy bình đẳng trong giáo dục đại học: cách tiếp cận mới và kinh nghiệm từ trường Đại học Văn Lang* trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Đổi mới Giáo dục và Đào tạo vì mục tiêu phát triển bền vững, Hà Nội, 2020*, Hà Nội: Văn phòng Hội đồng Quốc gia Giáo dục và phát triển nhân lực, 2020, 103-110.

(7) Tạ Thị Thu Đông (2019), *Lợi ích mở - lợi ích đa phương trong giáo dục mở và tài nguyên giáo dục mở*. Truy cập ngày 12/09/2022, từ <https://ir.vnulib.edu.vn/handle/VNUHCM/5483>.